

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1128/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024, văn bản số 3508/UBND-HTKT ngày 01 tháng 10 năm 2024 và ý kiến của Bộ Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 229/BC-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2024, văn bản số 5604/BXD-QHKT ngày 02 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 với các nội dung sau đây:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Bao gồm diện tích tự nhiên của thị trấn Măng Đen và 05 xã: Măng Bút, Đắk Tăng, Măng Cảnh, Hiếu và Pờ Ê, huyện Kon Plông, ranh giới được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp các xã: Đắk Nền, Đắk Ring, Ngọc Tem;
- + Phía Nam giáp huyện Kon Rẫy và huyện KBang tỉnh Gia Lai;
- + Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi;
- + Phía Tây giáp huyện Tu Mơ Rông, huyện Kon Rẫy.

b) Quy mô lập quy hoạch: Diện tích khoảng 90.153 ha.

c) Thời hạn quy hoạch: Đến năm 2045.

2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch khác có liên quan nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển Khu du lịch Măng Đen thành điểm đến hấp dẫn của vùng

Tây Nguyên, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Kon Tum và khu vực Bắc Tây Nguyên;

- Xây dựng và phát triển Khu du lịch Măng Đen trở thành một trong những trọng điểm về phát triển du lịch cả nước với các sản phẩm du lịch độc đáo, phong phú, chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh cao gắn liền đặc trưng về khí hậu trong lành mát mẻ, cảnh quan sinh thái và văn hóa truyền thống. Phân đầu đến năm 2045, Khu du lịch Măng Đen trở thành Khu du lịch quốc gia có thương hiệu, hạ tầng du lịch đồng bộ với hệ thống đô thị, nông thôn, hạ tầng xã hội, kỹ thuật và kết nối thuận lợi với hạ tầng giao thông vận tải quốc gia;

- Đảm bảo sự phát triển toàn diện và bền vững, bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, giải quyết việc làm, an sinh xã hội của Khu du lịch Măng Đen và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh;

- Cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng, thu hút đầu tư và triển khai các quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng.

3. Tính chất, chức năng

- Là khu du lịch nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quốc gia, với trọng tâm là các hoạt động kinh tế du lịch khai thác các lợi thế độc đáo về điều kiện khí hậu, cảnh quan tự nhiên và nét văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc của địa phương;

- Có vai trò, động lực quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ cho tỉnh Kon Tum, khu vực Tây Nguyên và cả nước. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng, ổn định đời sống Nhân dân.

4. Dự báo quy mô dân số, khách du lịch, cơ sở lưu trú và đất xây dựng

a) Quy mô dân số

Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 80.300 người; đến năm 2035 khoảng 102.700; đến năm 2045 khoảng 181.500 người.

b) Quy mô khách du lịch

Dự báo quy mô khách du lịch: Đến năm 2030 đạt khoảng 2,0 triệu lượt khách (không kể khách du lịch trong thời gian ngắn); đến năm 2035 đạt khoảng 2,5 triệu lượt khách; đến năm 2045 đạt khoảng 5 triệu lượt khách.

c) Cơ sở lưu trú

Đến năm 2030, khoảng 6.000 - 8.000 phòng; đến năm 2035, khoảng 8.000 - 10.000 phòng; đến năm 2045, khoảng 16.000 - 20.000 phòng.

d) Quy mô đất xây dựng

Đến năm 2030, nhu cầu sử dụng đất xây dựng các chức năng khoảng 6.263 ha, trong đó đất phát triển dịch vụ, du lịch khoảng 909 ha; đến năm 2035 nhu cầu sử dụng đất xây dựng các chức năng khoảng 8.200 ha, trong đó đất phát triển dịch vụ, du lịch khoảng 1.363 ha; đến năm 2045 nhu cầu sử dụng đất xây dựng các chức năng khoảng 10.668 ha, trong đó đất phát triển dịch vụ, du lịch khoảng 2.295 ha.

5. Cấu trúc, mô hình phát triển

a) Mô hình phát triển: Theo mô hình phân tán, đa trung tâm gắn kết với hệ sinh thái rừng tự nhiên (02 hành lang phát triển, 03 trung tâm du lịch và 4 đô thị), cụ thể:

- Hai hành lang phát triển: Dọc tuyến quốc lộ 24 và dọc tuyến tỉnh lộ 676.

- Ba trung tâm du lịch: Trung tâm du lịch chính (thị trấn Măng Đen và đô thị Măng Cành); Hai (02) trung tâm du lịch vệ tinh, tương hỗ phía Bắc (gồm đô thị Măng Bút và xã Đăk Tăng) và phía Đông (gồm đô thị Hiếu và xã Pờ Ê).

- Bốn đô thị gồm: Thị trấn Măng Đen và các đô thị: Măng Cành, Măng Bút, Hiếu.

b) Định hướng phân khu quy hoạch theo ba trung tâm du lịch:

- Trung tâm du lịch chính gồm phân khu 1: Khu trung tâm dịch vụ du lịch tổng hợp chất lượng cao tại thị trấn Măng Đen; phân khu 2: Khu trung tâm du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, thể dục thể thao tại xã Măng Cành.

- Trung tâm du lịch vệ tinh, tương hỗ phía Bắc gồm phân khu 3: Khu nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp chăm sóc sức khỏe tại xã Măng Bút; phân khu 4: Khu trung tâm du lịch văn hóa tại xã Đăk Tăng.

- Trung tâm du lịch vệ tinh, tương hỗ phía Đông gồm phân khu 5: Khu trung tâm du lịch sinh thái gắn với vùng trồng cây công nghiệp xứ lạnh tại xã Hiếu; phân khu 6: Khu trung tâm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tại xã Pờ Ê.

c) Định hướng phát triển đô thị:

- Thị trấn Măng Đen: Là đô thị trung tâm huyện lỵ, có vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - văn hóa, thương mại dịch vụ của huyện Kon Plông. Đến năm 2030 đạt các tiêu chuẩn của đô thị loại IV; năm 2045 đạt tiêu chuẩn của đô thị loại III.

- Đô thị Măng Cành, đô thị Măng Bút và đô thị Hiếu là các trung tâm kinh tế - văn hóa, thương mại, dịch vụ du lịch, có chức năng hỗ trợ phát triển cho thị trấn Măng Đen; đạt tiêu chuẩn đô thị loại V trong giai đoạn 2031 - 2050.

d) Định hướng phát triển nông thôn:

- Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang, bổ sung xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và vệ sinh môi trường, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã, nhu cầu của nhân dân về chỗ ở, sinh hoạt.

- Bảo vệ và phát huy yếu tố địa hình, cây xanh, mặt nước, nông lâm nghiệp, nông thôn để phát triển hệ thống công viên sinh thái kết hợp hoạt động du lịch, vui chơi giải trí phục vụ người dân và khách du lịch.

- Khai thác thế mạnh đặc trưng về bản sắc văn hóa, kiến trúc truyền thống đa dạng các dân tộc để phát triển du lịch bền vững, phù hợp với điều kiện của từng xã. Cải thiện, nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường nông thôn. Bảo vệ, gìn giữ không gian sản xuất nông, lâm nghiệp của từng xã. Khuyến khích, hỗ trợ, đào tạo kỹ năng cộng đồng, tạo cơ hội điều kiện cho người dân tham gia trong hoạt động phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường, cảnh quan. Hoàn thành chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn đối với các xã.

- Đối với các trung tâm xã: Cải tạo, bổ sung xây dựng hệ thống sân chơi văn hóa, thể thao, công viên cây xanh. Phát triển quỹ đất xây dựng chợ xã kết hợp không gian văn hóa, trưng bày quảng bá sản phẩm địa phương, hấp dẫn phát triển du lịch.

- Đối với các điểm dân cư: Phát triển du lịch cộng đồng (lưu trú homestay, trải nghiệm văn hóa truyền thống bản địa), khai thác các giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, sinh thái nông nghiệp, sinh thái rừng tại khu vực xã, thôn cho phát triển du lịch sinh thái; ưu tiên duy trì, nâng cấp hạ tầng và dịch vụ đồng bộ các điểm du lịch cộng đồng nổi bật tại xã Đăk Tăng và xã Hiếu.

đ) Các khu vực hạn chế, cấm xây dựng.

- Khu vực cấm xây dựng:

+ Rừng tự nhiên là rừng phòng hộ đã được tích hợp vào Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Các khu bảo tồn: Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Kon Plông và khu bảo vệ cảnh quan Măng Đen.

+ Các khu vực nước mặt được xác định là nguồn cấp nước cho Khu du lịch Măng Đen theo định hướng quy hoạch cấp nước.

- Khu vực hạn chế xây dựng:

+ Khu vực di tích lịch sử và danh thắng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định của pháp luật Di sản văn hóa.

+ Khu vực được xác định là đất cây xanh chuyên dụng trong định hướng quy hoạch sử dụng đất.

6. Định hướng quy hoạch sử dụng đất tổng thể (Phụ lục I kèm theo):

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 6.263 ha, chiếm 6,95% diện tích đất tự nhiên khu du lịch: Bao gồm: (1) Đất phát triển dân cư đô thị khoảng 661 ha. (2) Đất phát triển hỗn hợp (dân cư, dịch vụ) khoảng 181 ha. (3) Đất phát triển dân cư nông thôn khoảng 485 ha; (4) Đất xây dựng các khu chức năng khác khoảng 4.936 ha.

+ Đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 83.890 ha, chiếm 93,05% diện tích đất tự nhiên khu du lịch.

- Giai đoạn đến năm 2035:

+ Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 8.200 ha, chiếm 9,10% diện tích đất tự nhiên khu du lịch: Bao gồm: (1) Đất phát triển dân cư đô thị khoảng 827 ha. (2) Đất phát triển hỗn hợp (dân cư, dịch vụ) khoảng 197 ha. (3) Đất phát triển dân cư nông thôn khoảng 582 ha; (4) Đất xây dựng các khu chức năng khác khoảng 6.594 ha.

+ Đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 81.953 ha, chiếm 90,90% diện tích đất tự nhiên khu du lịch.

- Giai đoạn đến năm 2045:

+ Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 10.668 ha, chiếm 11,83% diện tích đất tự nhiên khu du lịch: Bao gồm: (1) Đất phát triển dân cư đô thị khoảng 1.390 ha. (2) Đất phát triển hỗn hợp (dân cư, dịch vụ) khoảng 229 ha. (3) Đất phát triển dân cư nông thôn khoảng 616 ha; (4) Đất xây dựng các khu chức năng khác khoảng 8.433 ha.

+ Đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 79.485 ha, chiếm 88,17% diện tích đất tự nhiên khu du lịch.

7. Định hướng phát triển không gian

- Phân khu 1: Khu trung tâm dịch vụ du lịch tổng hợp chất lượng cao tại thị trấn Măng Đen, diện tích 14.807 ha; dự báo dân số đến năm 2045 khoảng 112.200 người; dự báo khách du lịch đến năm 2045 khoảng 5.000.000 khách. Định hướng phát triển thành không gian du lịch tổng hợp chất lượng cao, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất và dịch vụ. Sản phẩm du lịch chủ đạo: Du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe; du lịch vui chơi giải trí, công viên chuyên đề, thể dục thể thao, sân gôn, cáp treo; du lịch khám phá nông, lâm nghiệp gắn liền với các khu nông nghiệp trồng rau hoa xứ lạnh, hệ thống công viên chuyên đề, cây xanh - mặt nước và khu bảo vệ cảnh quan Măng Đen.

- Phân khu 2: Khu trung tâm du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, thể dục thể thao tại xã Măng Cành, diện tích 13.201 ha; dự báo dân số đến năm 2045 khoảng 15.900 người; dự báo khách du lịch đến năm 2045 khoảng 800.000 khách. Định hướng phát triển trở thành một không gian du lịch hỗ trợ. Sản phẩm du lịch chủ đạo: Du lịch nghỉ dưỡng, thể dục thể thao, sân gôn; du lịch khám phá sinh thái rừng gắn liền với khu bảo tồn loài và sinh cảnh Kon Plông.

- Phân khu 3: Khu nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp chăm sóc sức khỏe tại xã Măng Bút, diện tích 18.835 ha; dự báo dân số đến năm 2045 khoảng 21.500 người; dự báo khách du lịch đến năm 2045 khoảng 1.500.000 khách. Định hướng phát triển: Hình thành các khu các khu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, các khu thể dục thể thao, sân gôn. Phát triển các điểm du lịch tham quan, khám phá vùng trồng Sâm Ngọc Linh và các dược liệu khác dưới tán rừng. Phát triển các điểm du lịch tại các khu vực có cảnh quan đẹp dọc sông Đắk S'Nghé và các hồ thủy lợi. Phát triển các làng du lịch cộng đồng tại các thôn làng người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phân khu 4: Khu trung tâm du lịch văn hóa tại xã Đắk Tăng. Diện tích 11.684 ha; dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 7.900 người; dự báo khách du lịch đến năm 2045: khoảng 150.000 khách. Định hướng phát triển: Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các khu dân cư, thôn bản hiện hữu, phát triển du lịch cộng đồng; xây dựng các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan và hỗ trợ phát triển du lịch; phát triển các điểm du lịch trải nghiệm, các hoạt động thể thao nước tại khu vực các khu đảo, khu vực xung quanh lòng hồ thủy điện Thượng Kon Tum.

- Phân khu 5: Khu trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái gắn với vùng trồng cây công nghiệp xứ lạnh tại xã Hiếu. Diện tích 20.493 ha; dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 15.000 người; dự báo khách du lịch đến năm 2045: khoảng 115.000 khách. Định hướng phát triển: các làng du lịch cộng đồng tại các thôn làng người đồng bào dân tộc thiểu số; các khu thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái gắn liền cảnh quan rừng tự nhiên, đồi núi tại khu vực giao lộ quốc lộ 24 - Đường Đông Trường Sơn; hình thành các vùng trồng cây công nghiệp xứ lạnh: Chè, cà phê,... gắn với du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

- Phân khu 6: Khu trung tâm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tại xã Pờ Ê. Diện tích 11.133 ha; dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 9.000 người; dự báo khách du lịch đến năm 2045: khoảng 250.000 khách. Định hướng phát triển: Hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng, thể dục thể thao, sân gôn; khu thương mại dịch vụ; phát triển các làng du lịch cộng đồng tại thôn làng người đồng bào dân tộc thiểu số; hình thành các điểm du lịch gắn liền lòng hồ thủy điện và các khu vực có cảnh quan đẹp giáp ranh với tỉnh Quảng Ngãi; phát triển các khu sản xuất nông nghiệp trồng cây công nghiệp xứ lạnh: Chè, cà phê gắn với du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

8. Định hướng phát triển hệ thống các trung tâm:

a) Du lịch:

- Bố trí quỹ đất thể dục thể thao tại thị trấn Măng Đen, diện tích khoảng 413ha; tại đô thị Măng Cành khoảng 415ha; tại đô thị Măng Bút khoảng 165ha và tại xã Bờ Ê khoảng 411ha. Các loại hình thể thao phục vụ hoạt động du lịch như: sân gôn, đua xe địa hình, trường đua ngựa, thể thao mạo hiểm. Các loại hình thể thao phục vụ hoạt động du lịch như: sân gôn, đua xe địa hình, trường đua ngựa, thể thao mạo hiểm.

- Phát triển du lịch cộng đồng tại các thôn làng người đồng bào dân tộc thiểu số tại thị trấn Măng Đen, đô thị mới và xã Đăk Tăng, Hiếu.

- Hình thành các trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm tại các khu vực cửa ngõ tại các trung tâm các khu vực đô thị du lịch. Phát triển các tuyến phố thương mại, mua sắm phục vụ khách du lịch. Duy trì các chợ phiên truyền thống kết hợp giới thiệu các sản phẩm thủ công, đặc sản địa phương phục vụ du lịch. Phát triển mạng lưới chợ dân sinh theo phân bố dân cư đáp ứng nhu cầu của người dân và kết hợp phục vụ du lịch.

- Xây dựng và phát triển hệ thống các công trình văn hóa gắn với trung tâm du lịch trọng điểm, trung tâm đô thị. Tôn tạo, bảo vệ các công trình tâm linh gắn với phát triển kinh tế - du lịch. Phát triển các thiết chế văn hóa cấp đơn vị ở, đảm bảo phù hợp điều kiện đặc thù khu vực. Bảo tồn và phát triển thiết chế văn hóa truyền thống của các thôn làng.

- Tuyến du lịch:

+ Các tuyến du lịch liên tỉnh: Kết nối tuyến du lịch từ các tỉnh vùng Tây Nguyên: Đắk Lắk, Gia Lai,... qua đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 19, quốc lộ 14; các tỉnh vùng Trung Trung Bộ: Đà Nẵng; Quảng Nam; Quảng Ngãi, Bình Định,... qua tuyến quốc lộ 24, đường Đông Trường Sơn.

+ Các tuyến du lịch nội tỉnh Kon Tum: Khu du lịch Măng Đen - Thành phố Kon Tum - Vườn quốc gia Chư Mom Ray (huyện Sa Thầy) - Cột mốc 3

biên, Cửa khẩu quốc tế Bờ Y (huyện Ngọc Hồi); các tuyến du lịch nội tỉnh tìm hiểu văn hóa, sinh thái cho du khách.

+ Các tuyến, điểm du lịch trong Khu du lịch Măng Đen: Tuyến du lịch tham quan cảnh đẹp; các tuyến du lịch tham quan các thôn làng người đồng bào dân tộc thiểu số, tìm hiểu văn hóa dân tộc; tuyến du lịch tham quan khám phá đa dạng sinh học rừng, tuyến du lịch tham quan trải nghiệm nông nghiệp.

b) Nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Duy trì quỹ đất lâm nghiệp phát triển du lịch sinh thái, tham quan, trải nghiệm dưới tán rừng.

- Phát triển khu vực trồng các loại cây dược liệu, sâm Ngọc Linh dưới tán rừng theo hướng ứng dụng công nghệ cao có quy mô 2.650 ha tại thị trấn Măng Đen, đô thị Măng Bút và Măng Cành.

- Khai thác các lòng hồ thủy điện có cảnh quan đẹp và vị trí thuận lợi để phát triển các khu du lịch, khai thác các trò chơi, vui chơi giải trí, thể dục thể thao. Phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung; thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm) tại các khu vực sông, suối, hồ đủ điều kiện.

c) Tiểu thủ công nghiệp:

Quy hoạch 02 cụm công nghiệp tại xã Hiếu và Măng Cành quy mô khoảng 100 ha, các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn nhằm khai thác các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp cho phục vụ du lịch, đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan tại các khu vực sản xuất.

d) Hệ thống cơ quan, công sở, trụ sở làm việc:

Xây dựng mới trung tâm hành chính của thị trấn Măng Đen quy mô khoảng 10 ha; xây dựng, hoàn thiện hệ thống các cơ quan của các đô thị, cấp xã theo quy hoạch phù hợp với quy định và yêu cầu quản lý trên địa bàn huyện.

đ) Giáo dục và chăm sóc sức khỏe:

- Bố trí quỹ đất khoảng 12 ha tại thị trấn Măng Đen xây dựng trung tâm giáo dục nông nghiệp, nông sản địa phương, giáo dục phổ thông chất lượng cao, giáo dục chuyên nghiệp, đào tạo nghiệp vụ kỹ năng dịch vụ du lịch cho cộng đồng, đào tạo các ngành nghề nông lâm nghiệp tại thị trấn Măng Đen. Phân bố các cấp trường phù hợp với quy mô dân số và được đặt gần trung tâm đô thị, trung tâm xã.

- Bố trí quỹ đất khoảng 20ha, xây dựng mới Bệnh viện chất lượng cao,

trung tâm chăm sóc sức khỏe tại thị trấn Măng Đen và đô thị Măng Cành. Xây dựng và phát triển hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cấp khu vực, cấp xã và phát triển hệ thống y tế tư nhân và các loại hình y tế chất lượng cao, chăm sóc sức khỏe khai thác lợi thế khí hậu đặc trưng Măng Đen và các phương pháp y học dân tộc cổ truyền, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh phục vụ Nhân dân và khách du lịch.

e) Văn hóa:

Tôn tạo, rà soát khoanh vùng quản lý bảo vệ các di tích, danh thắng được công nhận phát huy giá trị hỗ trợ phát triển du lịch theo quy định pháp luật về Di sản văn hóa. Xây dựng các khu chức năng mới đồng bộ, bản sắc và hiện đại phù hợp với văn hóa truyền thống của các dân tộc và điều kiện tự nhiên.

g) Công viên cây xanh, mặt nước, thể dục thể thao:

- Hình thành công viên chuyên đề (công viên đá - gỗ, dược liệu, vườn thực vật) tại thị trấn Măng Đen, quy mô khoảng 30ha. Chính trang các công viên hiện hữu, xây dựng các công viên công cộng, trong các khu đô thị, khu du lịch và vùng nông thôn.

- Cây xanh chuyên dụng diện tích đất khoảng 636 ha. Ưu tiên cho việc sử dụng vào mục đích cách ly, phòng hộ, tăng độ che phủ rừng và đa dạng sinh học.

- Xây dựng trung tâm huấn luyện thể dục thể thao tại đô thị Măng Cành quy mô 70 ha. Duy trì và phát triển các môn thể thao dân tộc truyền thống, kết hợp phát triển các môn thể thao hiện đại gắn với địa hình cảnh quan Măng Đen.

h) Các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành: năng lượng, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nông, lâm nghiệp; quốc phòng, an ninh:

Thực hiện theo quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng Tây Nguyên, quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan và Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo vị trí, quy mô xây dựng hạn chế tác động tiêu cực tới cảnh quan tự nhiên, danh thắng, các khu đô thị, khu du lịch và khu vực bảo vệ, bảo tồn của khu du lịch Măng Đen.

9. Kiểm soát kiến trúc, cảnh quan

a) Các chỉ tiêu quy hoạch về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất:

- Mật độ xây dựng gộp (trên diện tích đất xây dựng các chức năng) tại thị trấn Măng Đen tối đa là 30%; đô thị Măng Bút, Măng Cành, Hiếu tối đa là 25%; xã Đắk Tăng và Pờ Ê tối đa là 20%.

- Chiều cao công trình tối đa xác định cụ thể theo các khu vực, chức năng, vị trí trên cơ sở phân tích về cảnh quan, khả năng đáp ứng của hạ tầng và thực

hiện đầy đủ lấy ý kiến cộng đồng, các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Các khu vực nằm trong phễu bay của cảng hàng không Măng Đen bị khống chế về tầng cao theo quy định.

b) Hệ thống quảng trường, không gian mở:

Xây dựng mới quảng trường văn hóa tại khu công viên chuyên đề, trung thể dục thể thao quy mô khoảng 1 - 2 ha, quảng trường sinh thái tại các hồ nước nằm trong thị trấn Măng Đen và các đô thị. Quảng trường thương mại quy mô khoảng 0,5 ha đến 1 ha tại các khu dịch vụ du lịch tại thị trấn Măng Đen, đô thị Măng Cành, Măng Bút.

c) Các trục không gian, các khu vực cửa ngõ:

- Trục không gian chính: 4 trục cảnh quan chính gồm trục cảnh quan nông nghiệp dọc theo tuyến đường huyện 34; tuyến tỉnh lộ 676 và sông Đăk S'Nghé; trục cảnh quan mặt nước dọc suối Đăk Ke, thác Đăk Ke, thác Pa Sĩ; trục không gian sinh thái rừng: nằm về khu vực phía Đông Tỉnh lộ 676, phía Bắc tỉnh lộ 680 và phía Tây quốc lộ 24; khu vực dọc theo phía Đông tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; trục cảnh quan dọc trục đường chính đô thị.

- Hình thành 04 khu vực cửa ngõ: phía Nam trên tuyến quốc lộ 24, thị trấn Măng Đen (khu vực đầu đèo Măng Đen hiện nay); phía Bắc nằm trên tuyến huyện lộ 35, tại đô thị Măng Bút (khu vực giáp ranh với huyện Tu Mơ Rông); phía Đông tại khu vực giao lộ quốc lộ 24 và đường Đông Trường Sơn (khu vực giáp ranh thị trấn Măng Đen và đô thị Hiếu); phía Tây trên tuyến quốc lộ 24, xã Pờ Ê (khu vực đèo Violăk).

d) Khu vực trọng điểm:

- Về phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ: Gồm các khu vực MĐ1 (thị trấn Măng Đen); MC1 (đô thị Măng Cành); MB1 (đô thị Măng Bút)....

- Về phát triển nông nghiệp tại thị trấn Măng Đen.

- Về bảo vệ cảnh quan, sinh thái: là khu vực được xác định là rừng tự nhiên và các khu bảo tồn.

- Thị trấn Măng Đen các công trình cao tầng, công trình có khối tích lớn khuyến khích bố trí làm điểm đỗ xe tự thân theo mô hình ngầm.

10. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường

a) Hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (đoạn qua khu vực quy hoạch): Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Quốc lộ (đoạn ngoài đô thị): Nâng cấp, cải tạo tuyến quốc lộ 24, quốc lộ 24D, đường Đông Trường Sơn với quy mô đường cấp III, 2 - 4 làn xe.

+ Đường tỉnh (đoạn ngoài đô thị): Nâng cấp, cải tạo nâng cấp hai tuyến đường tỉnh hiện hữu (ĐT.672, ĐT.676), xây dựng tuyến đường tỉnh (ĐT.680) với quy mô đường III, II, 2 - 4 làn xe.

- Giao thông đối nội:

Giao thông đô thị: Kế thừa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường hiện trạng đáp ứng tiêu chuẩn đô thị miền núi. Khuyến khích từng bước chuyển đổi phương thức giao thông cơ giới sang di chuyển bằng phương tiện công cộng, xe điện. Bề rộng mặt cắt ngang (tính đến đường chính khu vực) 23 - 49 m, 4 - 6 làn xe.

- Giao thông nông thôn:

Phát triển hệ thống đường huyện (bao gồm nâng cấp, cải tạo 4 tuyến hiện trạng; ĐH.31, ĐH.34, ĐH.33, ĐH.35 và xây dựng mới 4 tuyến đường huyện; ĐH.32, ĐH.32A, ĐH.35A, ĐH.37) quy mô đường cấp III, cấp IV, cấp V với tối thiểu 2 làn xe. đảm bảo thuận lợi đến các khu du lịch, dịch vụ, trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn.

- Giao thông đường hàng không:

Cảng hàng không Măng Đen: Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hệ thống công trình phục vụ giao thông và giao thông công cộng:

+ Bến xe: Bố trí các bến xe tại thị trấn Măng Đen, đô thị Hiếu và đô thị với quy mô bến xe loại 2, diện tích đất mỗi bến xe khoảng 1.0 - 3.0 ha đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển của khu du lịch.

+ Bãi đỗ xe tập trung: Bố trí các bãi đỗ xe tập trung với quy mô khoảng 0.1 - 0.3 ha và với quy mô phù hợp để phục vụ nhu cầu đỗ xe của khu du lịch

trong tương lai. Hệ thống bãi đỗ xe tập trung được bố trí tại các khu vực đầu mối giao thông, các khu vực đô thị, khu vực trung tâm du lịch.

- Hệ thống giao thông công cộng: Duy trì, mở mới, nâng cao chất lượng phục vụ các tuyến xe buýt, xe điện để hỗ trợ năng lực vận tải, phục vụ du khách đến các điểm, trung tâm du lịch. Hình thành tuyến tàu điện phục vụ du lịch kết nối từ thị trấn Măng Đen đến trung tâm du lịch tại Măng Bút và Pờ Ê theo nhu cầu ở thời điểm phù hợp.

- Xây dựng tuyến cáp treo du lịch tại thị trấn Măng Đen đảm bảo mỹ quan và không tác động tiêu cực tới cảnh quan tự nhiên, danh thắng và các khu vực bảo vệ, bảo tồn của khu du lịch Măng Đen.

b) Cao độ nền và thoát nước mặt:

- Cao độ nền xây dựng:

+ Các khu trung tâm hành chính huyện và trung tâm các xã đã đầu tư xây dựng, giữ nguyên cao độ nền hiện trạng đã xây dựng.

+ Đối với các khu vực đầu tư xây dựng mới: Khu vực địa hình hiện trạng có độ dốc $i \leq 10\%$, không bị ngập lụt thực hiện việc san nền cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình $H_{xd} \geq H$ cao độ hiện trạng. Khu vực có độ dốc nền $i > 10\%$, thực hiện việc san nền cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq H$ cao độ hiện trạng. Khi khai thác quỹ đất xây dựng công trình, cần lựa chọn khu vực không bị ảnh hưởng của lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất.

- Thoát nước mưa:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn cho khu vực thị trấn Măng Đen và đô thị Măng Cành. Đối với đô thị Măng Bút, đô thị Hiếu và Măng Cành, giai đoạn đến năm 2030 sử dụng hệ thoát nước nửa riêng cho nước mưa và nước thải, giai đoạn sau năm 2030 sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

+ Đối với khu vực xã Pờ Ê, xã Đăk Tăng, sử dụng hệ thống thoát nước chung cho nước mưa và nước thải.

+ Thu gom hệ thống thoát nước mặt theo 11 lưu vực thoát nước chính, có hướng thoát nước ra các sông, suối trong khu vực.

- Bảo vệ, phát triển hành lang cây xanh dọc hai bên suối, các khe tự thủy, đảm bảo thoát nước mưa, cải thiện môi trường, cảnh quan. Xây dựng các công trình phòng lũ. Giải pháp ổn định nền theo chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với cấp

công trình và tính chất, đặc thù của đất. Xây dựng hệ thống cầu, cống, đập tràn đúng cấp tại những vị trí đường giao thông đi qua địa hình chia cắt, các khe tụ thủy, tránh làm nghẽn dòng chảy. Nạo vét, mở rộng lòng suối hẹp, cải tạo hướng chảy bất lợi.

c) Hệ thống cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước Khu du lịch Măng Đen: Giai đoạn đến năm 2030 khoảng 22.000 m³/ngày đêm; giai đoạn đến năm 2035 khoảng 28.000 m³/ngày đêm và giai đoạn 2045 khoảng 63.000 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước: Khai thác từ nguồn nước mặt hồ B Đăk Pô Ne, suối Đăk Ke, suối Xa Rách, suối Đăk SNghe, suối Nước Tây. Bỏ cấp vào mùa hạn là hồ thủy điện Thượng Kon Tum tại xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông.

- Công trình đầu mối:

+ Nâng công suất nhà máy nước Măng Đen đến năm 2045 có công suất khoảng 36.000 m³/ngày đêm.

+ Xây dựng mới nhà máy nước tại xã Măng Cành đến năm 2045 có công suất khoảng 9.000 m³/ngày đêm.

+ Xây dựng mới nhà máy nước tại Măng Bút đến năm 2045 có công suất khoảng 7.000 m³/ngày đêm.

+ Xây dựng mới nhà máy nước tại xã Hiếu đến năm 2045 có công suất khoảng 6.000 m³/ngày đêm.

+ Xây dựng mới nhà máy nước tại xã Đăk Tăng đến năm 2045 có công suất khoảng 3.000 m³/ngày đêm.

+ Xã Pờ Ê sử dụng hệ thống cấp nước tự chảy: Trạm cấp nước sinh hoạt trung tâm xã và các trạm cấp nước tự chảy khác công suất tổng cộng đến năm 2045 khoảng 3.000 m³/ngày đêm

- Mạng lưới cấp nước tập trung được sử dụng kết hợp mạng lưới cấp nước hiện có và đấu nối với mạng lưới cấp nước xây dựng mới; mạng lưới ống dạng mạng vòng kết hợp mạng nhánh cụt. Đối với khu vực không đảm bảo áp lực nước bố trí các trạm bơm tăng áp cục bộ đảm bảo ổn định và an toàn cấp nước.

d) Hệ thống cấp điện:

- Nhu cầu cấp điện: Giai đoạn đến năm 2030 khoảng 45mvA; giai đoạn đến năm 2035 khoảng 53mvA và giai đoạn đến năm 2045 khoảng 132mvA.

- Nguồn điện lấy từ hệ thống điện quốc gia trực tiếp từ trạm 110kV Kon Plông công suất 1x40mvA nâng thành 2x40mvA; trạm 110kV Kon Plông 2 công suất 1x40mvA, giai đoạn dài hạn căn cứ vào nhu cầu thực tế phát triển mà nâng công suất trạm nguồn cho phù hợp.

- Mạng lưới: Xây dựng kế hoạch từng bước cải tạo, nâng cấp tuyến trung thể hiện hữu theo hướng ngầm hóa. Hệ thống lưới điện trung thể tại khu vực đô thị, du lịch xây dựng mới sử dụng cáp ngầm chuyên dụng để đảm bảo mỹ quan đô thị. Đối với khu vực nông thôn, các thôn làng sử dụng cáp bọc nổi trên cột, đảm bảo an toàn điện.

- Việc di dời đoạn tuyến đường dây 500kV để triển khai thực hiện Cảng hàng không Măng Đen, đầu tư xây dựng các dự án năng lượng (thủy điện; điện gió; tuyến đường dây 220kV; các trạm cắt; trạm 220kV) thực hiện theo các Quy hoạch điện quốc gia; Quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan; không tác động tiêu cực tới cảnh quan tự nhiên, danh thắng, các khu đô thị, khu du lịch và khu vực bảo vệ, bảo tồn của khu du lịch Măng Đen.

đ) Hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

+ Nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt giai đoạn đến năm 2045 khoảng 37.500 m³/ngày đêm.

+ Đối với khu vực đô thị, trung tâm du lịch: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải. Xây dựng mới 11 trạm xử lý nước thải để xử lý cho 6 vùng thoát nước thải, nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định trước khi xả ra ngoài môi trường bên ngoài.

+ Đối với khu vực nông thôn, các thôn làng, khu dân cư phân bố rải rác: Sử dụng hệ thống thoát nước chung và xử lý phân tán. Nước thải phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi xả ra hệ thống thoát nước.

+ Đối với khu vực bệnh viện, cơ sở y tế; cụm công nghiệp: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng, nước sau khi xử lý bảo đảm yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận hoặc đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Dự báo lượng chất thải rắn phục vụ sinh hoạt và du lịch giai đoạn đến năm 2030 khoảng 30 tấn/ngày đêm; giai đoạn đến năm 2045 khoảng 177 tấn/ngày đêm.

+ Xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn tập trung tại xã Hiếu với diện tích khoảng 15 ha.

+ Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn theo quy định. Xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn trên tại các trung tâm đô thị, trung tâm các xã quy mô theo khối lượng chất thải rắn phát sinh và chuyển toàn bộ chất thải rắn về khu xử lý chất thải rắn tập trung.

- Nghĩa trang: xây dựng mới nghĩa trang công viên vĩnh hằng về phía Tây thị trấn hiện hữu có quy mô khoảng 15 ha (năm 2030 có quy mô khoảng 7 ha). Tại khu vực đô thị còn lại và khu vực nông thôn có quy hoạch nghĩa trang tập trung riêng đảm bảo các quy định vệ sinh môi trường theo quy định.

e) Hệ thống thông tin và truyền thông:

- Nhu cầu: Giai đoạn năm 2045 khoảng 253.910 thuê bao.

- Ngầm hóa 100% hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tại khu vực đô thị, khu du lịch xây dựng mới. Đối với các khu vực đô thị hiện hữu, từng bước thực hiện việc ngầm hóa, ưu tiên ngầm hóa tại các khu vực có yêu cầu mỹ quan như: Trung tâm hành chính, khu quảng trường, công viên, khu du lịch và các tuyến giao thông mới xây dựng.

- Phát triển viễn thông theo hướng chuyển dịch hạ tầng viễn thông sang hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), phát triển hạ tầng mạng thông tin di động 4G, 5G đảm bảo phủ sóng 100% khu dân cư trên địa bàn; tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng đạt trên 80% (trạm xây mới) ở giai đoạn 2030 - 2035 và 100% ở giai đoạn đến năm 2045.

g) Định hướng quy hoạch công trình ngầm:

Tại các đô thị trong khu du lịch dự kiến bố trí các công trình đầu mối kỹ thuật ngầm, công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuyến kỹ thuật.

h) Các giải pháp bảo vệ môi trường:

- Giải pháp tổng thể: Khuyến khích phát triển mô hình kiến trúc xanh, sinh thái; duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên hiện có.

- Giải pháp bảo vệ môi trường các khu vực phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì, bảo vệ và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hành lang cây xanh bảo vệ hệ thống suối, mặt nước, hồ điều hòa, rừng, nông nghiệp; quản lý kiểm soát chặt chẽ chất lượng môi trường đất, nước, không khí, đặc biệt tiếng ồn trong đô thị để hấp dẫn thời gian lưu trú của khách du lịch.

- Giải pháp bảo vệ môi trường các khu dân cư nông thôn: Bảo vệ, phát huy tập quán sinh hoạt văn minh truyền thống và cảnh quan tự nhiên; quản lý thu gom, xử lý chất thải, giảm thiểu tác động tiêu cực môi trường từ chăn nuôi gia súc, gia cầm; đào tạo tuyên truyền cộng đồng nhân dân ý thức và kỹ năng cải tạo, nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường thôn bản, hấp dẫn thời gian lưu trú khách du lịch.

i) Các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu:

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai và sự cố môi trường khác như lũ quét, sạt lở đất. Xây dựng giải pháp đồng bộ phòng ngừa kịp thời, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của thiên tai đối với đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân và khách du lịch.

11. Các lĩnh vực, dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện:

a) Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư:

- Tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa và kiến trúc truyền thống; đào tạo kỹ năng phục vụ du lịch cho cộng đồng cho người dân;

- Phát triển các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn, nhất là hạ tầng tại các thôn làng có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng;

- Phát triển các khu chức năng, công trình trọng điểm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và du lịch.

b) Phân kỳ đầu tư đầu tư xây dựng Khu du lịch Măng Đen theo 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 được triển khai từ năm 2024 đến năm 2035: Tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị; Quy chế quản lý kiến trúc; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị cụ thể quy hoạch chung xây dựng được duyệt; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung; các cụm công nghiệp, hạ tầng xã hội trọng điểm giải quyết việc làm cho người dân, tạo động lực phát triển đồng bộ toàn khu du lịch;

- Giai đoạn 2 từ sau năm 2035 đến năm 2045: Đầu tư xây dựng hoàn thiện, đưa vào sử dụng các khu chức năng và quản lý phát triển theo quy hoạch chung xây dựng được duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Quy hoạch được duyệt theo quy định; ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 được duyệt.

- Tổ chức rà soát, lập các chương trình, khu vực và kế hoạch phát triển; triển khai thực hiện các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Rà soát, xác định phạm vi, ranh giới để tổ chức lập quy hoạch phân khu và triển khai các bước tiếp theo phù hợp với các phân vùng quản lý và mục tiêu phát triển khu du lịch, khu trung tâm dịch vụ du lịch tổng hợp, khu đô thị du lịch,... được xác định trong đồ án Quy hoạch được phê duyệt. Xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến tài chính, đất đai để thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư phù hợp với yêu cầu của Quy hoạch, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, tài liệu, bản vẽ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này, không hợp thức hóa các sai phạm. Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2045, các quy hoạch chuyên ngành liên quan và chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phân bổ cho tỉnh Kon Tum theo quy định, dự trữ đất để phát triển lâu dài, bền vững.

- Trong quá trình triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt, chủ động rà soát, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và du lịch của địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả thẩm định số liệu, dữ liệu, bản đồ hồ sơ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 đảm bảo đúng quy định pháp luật. Lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Quy hoạch được duyệt, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 được duyệt tuân thủ quy định pháp luật.

3. Các bộ, ngành trung ương phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum triển khai thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 theo lĩnh vực ngành quản lý, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Măng Đen và Quy hoạch chung đô thị Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công an, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban Dân tộc;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Kon Tum;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTTH, NC, NN, KGVX, PL, V.I, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ 12



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà



Phụ lục I
BẢNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KHU DU LỊCH MĂNG ĐEN
THEO CÁC GIAI ĐOẠN

(Kèm theo Quyết định số 1128 /QĐ-TTg
ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng 2023		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2035		Quy hoạch năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Dân số (người)	20.711		80.300		102.700		181.500	
	Tổng diện tích quy hoạch	90.153	100,00	90.153	100,00	90.153	100,00	90.153	100,00
I	KHU VỰC XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG	2.770	3,07	6.263	6,95	8.199	9,09	10.668	11,83
1	Đất phát triển dân cư	631	0,70	1.146	1,27	1.409	1,56	2.005	2,22
1.1	Đất phát triển dân cư đô thị	194	0,00	661	0,73	827	0,92	1.390	1,54
1.1.1	Đất phát triển dân cư đô thị hiện trạng	194		194		194		194	
1.1.2	Đất phát triển dân cư đô thị mới	0		467		633		1.195	
1.2	Đất phát triển dân cư nông thôn	436	0,48	485	0,54	582	0,65	616	0,68
2	Đất phát triển hỗn hợp	48	0,05	181	0,20	197	0,22	229	0,25
3	Đất dịch vụ - công cộng	111	0,12	132	0,15	152	0,17	152	0,17
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	10	0,01	415	0,46	498	0,55	563	0,62
5	Đất cây xanh chuyên dụng	89	0,10	300	0,33	636	0,71	636	0,71
6	Đất phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng	13	0,01	100	0,11	100	0,11	100	0,11
7	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	24	0,03	29	0,03	35	0,04	50	0,06
8	Đất trung tâm y tế	2	0,00	8	0,01	10	0,01	24	0,03
9	Đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao	5	0,01	430	0,48	775	0,86	1.404	1,56
10	Đất dịch vụ, du lịch	131	0,15	909	1,01	1.363	1,51	2.295	2,55
11	Đất di tích, tôn giáo	11	0,01	11	0,01	11	0,01	11	0,01
12	Đất an ninh	2	0,00	10	0,01	10	0,01	10	0,01
13	Đất quốc phòng	19	0,02	191	0,21	191	0,21	191	0,21
14	Đất giao thông	375	0,42	586	0,65	997	1,11	1.172	1,30
15	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	1.260	1,40	1.765	1,96	1.765	1,96	1.765	1,96

TT	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng 2023		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2035		Quy hoạch năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Dân số (người)	20.711		80.300		102.700		181.500	
	Tổng diện tích quy hoạch	90.153	100,00	90.153	100,00	90.153	100,00	90.153	100,00
15.1	Đất công trình năng lượng	1.259	1,40	1.259	1,40	1.259	1,40	1.259	1,40
15.2	Đất dự phòng phát triển hạ tầng kỹ thuật khác theo các quy hoạch chuyên ngành	0	0,00	465	0,52	465	0,52	465	0,52
15.3	Đất hạ tầng kỹ thuật phát triển theo khu du lịch và đô thị	1	0,00	41	0,05	41	0,05	41	0,05
16	Đất nghĩa trang	39	0,04	50	0,06	50	0,06	60	0,07
II	KHU VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC	87.383	96,93	83.890	93,05	81.953	90,91	79.485	88,17
1	Đất sản xuất nông nghiệp	12.607	13,98	9.748	10,81	8.624	9,57	6.325	7,02
2	Đất lâm nghiệp	73.963	82,04	72.812	80,77	71.937	79,79	71.767	79,61
	Trong đó: Đất lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng	495		0		0		0	
2.1	Đất rừng sản xuất	58.955	65,40	58.389	64,77	57.513	63,80	57.344	63,61
2.2	Đất rừng phòng hộ	14.513	16,10	14.423	16,00	14.423	16,00	14.423	16,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản	28	0,03	28	0,03	28	0,03	28	0,03
4	Mặt nước (Hồ, ao, đầm, sông, suối, kênh, rạch)	501	0,56	564	0,63	626	0,69	626	0,69
5	Đất dự trữ phát triển	0	0,00	738	0,82	738	0,82	738	0,82
6	Đất chưa sử dụng	284	0,31	0	0,00	0	0,00	0	0,00



Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP CÁC DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
GIAI ĐOẠN ĐẦU ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1128/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn
		Giai đoạn (2024 - 2030)	Giai đoạn (2030 - 2035)	
	Các dự án ưu tiên đầu tư theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen			
1	Hoàn thiện công cụ quản lý, thực hiện quy hoạch			NSNN
-	Chương trình phát triển đô thị	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN
-	Quy chế quản lý kiến trúc	2024 - 2030		NSNN
-	Quy hoạch vùng huyện Kon Plông đến năm 2045	2024 - 2030		NSNN
-	Quy hoạch chung thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum	2024 - 2030		NSNN
-	Các quy hoạch chi tiết cụ thể quy hoạch chung thị trấn Măng Đen	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN
-	Quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN
-	Quy hoạch chung các xã	2024 - 2030		NSNN
2	Các dự án hạ tầng kỹ thuật khung			
-	Cải tạo các tuyến đường giao thông hiện hữu	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN
-	Đầu tư xây dựng các tuyến đường chính khu vực	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN
-	Hoàn thiện hệ thống cấp thoát nước tại thị trấn Măng Đen	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước tại Măng Cành		2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Cải tạo nhà máy cấp nước tại thị trấn Măng Đen; xây dựng mới nhà máy cấp nước Măng Cành	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Kon Plông	2024 - 2030		NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Hoàn thiện hệ thống cấp điện tại thị trấn Măng	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN và các

TT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn
		Giai đoạn (2024 - 2030)	Giai đoạn (2030 - 2035)	
	Đền			nguồn vốn hợp pháp khác
-	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện tại Măng Cành		2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Các dự án hạ tầng xã hội khung			
-	Trung tâm hành chính thị trấn Măng Đen	2024 - 2030		NSNN
-	Công viên chuyên đề tại thị trấn Măng Đen	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Bảo tàng tại thị trấn Măng Đen		2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao tại đô thị Măng Cành	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Trung tâm văn hoá tại thị trấn Măng Đen		2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Trung tâm giáo dục nông nghiệp, nông sản địa phương, giáo dục phổ thông chất lượng cao tại thị trấn Măng Đen		2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Cụm công nghiệp			
-	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tại đô thị Măng Cành	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
-	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tại đô thị Hiếu	2024 - 2030	2030 - 2035	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác

Ghi chú:

(1) Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch phân khu, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

(2) Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên, thực hiện theo quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xác định vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới phải đảm bảo mỹ quan và không tác động tiêu cực tới cảnh quan tự nhiên, danh thắng, các khu đô thị, khu du lịch và khu vực bảo vệ, bảo tồn của khu du lịch Măng Đen.

(3) Trong quá trình xây dựng phát triển, các dự án có thể được thực hiện trước theo nhu cầu và đảm bảo nguồn lực thực hiện.